

B TÀI CHÍNH - Y BAN CH NG KHOÁN NHÀ N C
CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY D NG SAO MAI



I U L
CÔNG TY NIÊM Y T T I S GIAO D CH
CH NG KHOÁN THÀNH PH H CHÍ MINH

**CÔNG TY C PH N UT VÀ XÂY
D NG SAO MAI T NH AN GIANG**

TP Long Xuyên, tháng 03 n m 2010

M C L C

PH N M U	
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	
i u 1. nh ngh a.....	
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	
i u 6. Ch ng ch c phi u	
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	
i u 9. Thu h i c ph n	
V. C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT	
i u 10. C c ut ch c qu n lý	
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	
i u 11. Quy n c a c ông	
i u 12. Ngh a v c a c ông	
i u 13. i h i ng c ông	
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	
i u 15. Các i di n c y quy n	
i u 16. Thay i các quy n	
i u 17. Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông	
i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông	
i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông	
i u 20. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	
i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông	
i u 22. Biên b nh p i h i ng c ông	
i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông	
VII. H I NG QU N TR	
i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	
i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	
i u 26. Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng qu n tr	
i u 27. Các cu ch p c a H i ng qu n tr	
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY	
i u 28. T ch c b máy qu n lý	
i u 29. Cán b qu n lý	

i u 30. B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a Giám c ho c T ng giám c i u hành.....	
i u 31. Th ký Công ty.....	
IX. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , T NG GIÁM C (GIÁM C) I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ.....	
i u 32. Trách nh i m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , Giám c ho c T ng giám c i u hành và cán b qu n lý	
i u 33. Trách nh i m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	
i u 34. Trách nh i m v thi th i và b i th ng.....	
X. BAN KI M SOÁT.....	
i u 35. Thành viên Ban ki m soát.....	
i u 36. Ban ki m soát.....	
XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	
i u 37. Quy n i u tra s sách và h s 	
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN.....	
i u 38. Công nhân viên và công oàn	
XIII. PHÂN CHIA L I NHU N.....	
i u 39. C t c.....	
i u 40. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	
XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN.....	
i u 41. Tài kho n ngân hàng.....	
i u 42. Qu d tr b sung v n i u l 	
i u 43. N m tài khóa	
i u 44. H th ng k toán.....	
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NH I M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG.....	
i u 45. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý	
i u 46. Công b thông tin và thông báo ra công chứng	
XVI. KI M TOÁN CÔNG TY.....	
i u 47. Kì m toán.....	
XVII. CON D U.....	
i u 48. Con d u	
XVIII. CH M D TH O T NG VÀ THANH LÝ.....	
i u 49. Ch m d tho t ng.....	
i u 50. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông....	
i u 51. Gia h n ho t ng.....	
i u 52. Thanh lý	
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B 	
i u 53. Gi i quy t tranh ch p n i b 	
XX. B SUNG VÀ S A I I U L 	
i u 54. B sung và s a i i u l 	
XXI. NGÀY HI U L C.....	
i u 55. Ngày hi u l c.....	
i u 56. Ch ký c a các c ông sáng l p ho c c a ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	

PH N M U

i u l s a i này c c ông c a Công ty thông qua theo ngh quy th p l c a i h i ng c ông ngày 16 tháng 10 n m 2009 b ng v n b n.

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. nh ngh a

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:

a. "V n i u l " là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 c a i u l này.

b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.

c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.

d. "Cán b qu n lý" là Giám c ho c T ng giám c i u hành, Phó giám c ho c Phó t ng giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.

e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i i u 4.17 c a Lu t Doanh nghi p.

f. "Th i h n ho t ng" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.

g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;

4. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG KINH DIỆN VÀ THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng kinh diện và thị trường hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ƯT VÀ XÂY DỰNG SAO MAI TỈNH AN GIANG**

b. Tên tiếng Anh: **SAO MAI CONSTRUCTION CORPORATION**

c. Tên viết tắt: **CÔNG TY SAO MAI**

d. Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: **SAO MAI CONSCORP**

2. Công ty là công ty cổ phần có trách nhiệm pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a. Địa chỉ: 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.

b. Điện thoại: (84-8) 076 3840138

c. Fax: (84-8) 076 3840139

d. [E-mail]: saomaiconscorp@gmail.com

e. Website: saomaiconscorp.com

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc là người diện theo pháp luật của Công ty.

5. Các chi nhánh, văn phòng kinh diện và văn phòng thu cước:

5.1 CHI NHÁNH CTY CP- T&XD SAO MAI TỈNH HỒ HÀ NỘI.

Địa chỉ: Số 52/TT.361, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

5.2 CHI NHÁNH CTY CP- T&XD SAO MAI TỈNH HÒA BÌNH

Địa chỉ: Số 10/B1, Tầng 2a, Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

5.3 XÍ NGHIỆP ƯT VÀ XÂY DỰNG PHƯỜNG NAM

Địa chỉ: Số 244 Lâm Quang Ký, thị trấn Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5.4 XÍ NGHIỆP ƯT VÀ XÂY DỰNG THÁP MỸ

Địa chỉ: Số 92B Quốc lộ 30; Phường 11, thị trấn Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.5 XÍ NGHIỆP ƯT VÀ XÂY DỰNG PHƯỚC

Địa chỉ: Khu du lịch Sài Gòn Tourist, thị trấn Đông Hưng, huyện Phước Quách, tỉnh Kiên Giang.

5.6 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SAO MAI

Địa chỉ: Khố 2, trung tâm Gia Nghĩa, huyện Nông, tỉnh Đắk Lắk

5.7 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SAO MAI

Địa chỉ: Số C18/1P Trưng Phụng Phan, p.9, Bình Trưng Đông, Q. Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

5.8 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SAO MAI TẠI CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 323 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, TP. Cần Thơ.

5.9 XÍ NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MINH HUYỆT CÀ MAU

Địa chỉ: Số 25 Trần Hưng Đạo, khóm 3, P.5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5.10 XÍ NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ: Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5.11 XÍ NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Số 165D2 An Thuận A, tỉnh lộ 887, xã Mỹ Thạnh, TX. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

5.12 CHI NHÁNH CÔNG TY XÂY DỰNG SAO MAI TẠI CAMPUCHIA

Địa chỉ: Số 180 EO, NG S 19, p. Chay Chum Nek, Quận Pênh, thành phố Phnôm Pênh.

5.13 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Kim, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Từ khi chấm dứt hoạt động thực hiện theo điều 49.2 và điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 51 của Điều lệ này, thì hình thức hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 45 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- a. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp công nghiệp, sản phẩm công nghiệp;
- b. Kinh doanh bất động sản;
- c. Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng;
- d. Sản xuất bất động sản, sản xuất và mua bán trầm xây dựng;
- e. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- f. Mua bán thú cưng, gà, vịt;
- g. Khai thác cát, sỏi;
- h. Xây dựng công trình thủy lợi;
- i. Kinh doanh phòng hát karaoke, massage;
- j. Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
- k. Lắp đặt thiết bị điện lạnh, cửa điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy điện, lắp đặt hệ thống khí hòa không khí;
- l. Mua bán thiết bị điện tử, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, vật tư thông tin và viễn thông, xây dựng công trình ngầm điện.
- m. Giải thiêu việc làm trong và ngoài nước, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cho lao động và chuyên gia Việt Nam đi lao động có thời hạn nước ngoài, chuyên doanh xuất khẩu lao động.
- n. Mua bán, thu, chi phí trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh nhằm mục tiêu thu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tổ chức nhân viên làm việc nghiêm chỉnh cho người lao động; tăng cường cho các công trình; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo pháp luật cho phép và theo Hội đồng quản trị phê duyệt.

IV. V N I U L , C P H N , C Ô N G S Á N G L P

i u 5. V n i u l , c p h n , c ô n g s á n g l p

1. V n i u l c a C ô n g t y là 99.126.000.000VND (B ñ g c h : C h í n m ì c h í n t , m t t r m h a i m ì s á u t r i u ñ g)

T ñ g s v n i u l c a C ô n g t y c c h i a t h à n h 9.912.600 c p h i u v ì m n h g í à 10.000 ñ g / c p h n .

2. C ô n g t y c ó t h t ñ g v n i u l k h i c ì h ì ñ g c ô n g t h ô n g q u a v à p h ù h p v ì c á c q u y ñ h c a p h á p l u t .

3. C á c c p h n c a C ô n g t y v à o ñ à y t h ô n g q u a i u l ñ à y b a o g m c p h n p h t h ô n g . C á c q u y ñ v à ñ h a v k è m t h e o c p h n c q u y ñ h t ì i u 11, i u 12.

4. C ô n g t y c ó t h p h á t h à n h c á c l o i c p h n u ã i k h á c s a u k h i c ó s c h p t h u n c a ì h ì ñ g c ô n g v à p h ù h p v ì c á c q u y ñ h c a p h á p l u t .

5. C p h n p h t h ô n g p h i c u t i ê n c h à o b á n c h o c á c c ô n g h i n h u t h e o t l t ñ g ñ g v i t l s h u c p h n p h t h ô n g c a h t r o n g C ô n g t y , t r t r ñ g h p ì h ì ñ g c ô n g q u y ñ h k h á c . C ô n g t y p h i t h ô n g b á o v ì c c h à o b á n c p h n , t r o n g t h ô n g b á o p h i ñ u r ñ s c p h n c c h à o b á n v à t h ì h ñ ñ g k ý m u a p h ù h p (t ì t h i u h a i m ì ñ à y l à m v ì c) c ô n g c ó t h ñ g k ý m u a . S c p h n c ô n g k h ô n g ñ g k ý m u a h t s d o H ì ñ g q u n t r c a C ô n g t y q u y t ñ h . H ì ñ g q u n t r c ó t h p h â n p h ì s c p h n ó c h o c á c ì t ñ g t h e o c á c ì u k i n v à c á c t h c m à H ì ñ g q u n t r t h y l à p h ù h p , ñ h ñ g k h ô n g c b á n s c p h n ó t h e o c á c ì u k i n t h u n l ì h ñ s o v ì ñ h ñ g ì u k i n ã c h à o b á n c h o c á c c ô n g h i n h u , t r t r ñ g h p ì h ì ñ g c ô n g c h p t h u n k h á c h o c t r o n g t r ñ g h p c p h n c b á n q u a S G i a o d c h C h ñ g k h o á n / T r u n g t â m G i a o d c h C h ñ g k h o á n .

6. C ô n g t y c ó t h m u a c p h n d o c h í n h c ô n g t y ã p h á t h à n h (k c c p h n u ã i h o à n l ì) t h e o ñ h ñ g c á c t h c c q u y ñ h t r o n g i u l ñ à y v à p h á p l u t h ì n h à n h . C p h n p h t h ô n g d o C ô n g t y m u a l ì l à c p h i u q u v à H ì ñ g q u n t r c ó t h c h à o b á n t h e o ñ h ñ g c á c t h c p h ù h p v ì q u y ñ h c a i u l ñ à y v à L u t C h ñ g k h o á n v à v n b n h ñ g d ñ l i ê n q u a n .

7. C ô n g t y c ó t h p h á t h à n h c á c l o i c h ñ g k h o á n k h á c k h i c ì h ì ñ g c ô n g ñ h t t r í t h ô n g q u a b ñ g v n b n v à p h ù h p v ì q u y ñ h c a p h á p l u t v c h ñ g k h o á n v à t h t r ñ g c h ñ g k h o á n .

Điểm 6. Chế độ chi phí

1. Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ, trừ chi phí quy định tại Khoản 7 của điểm 6.

2. Chế độ chi phí phí có của Công ty và chi ký của đi n theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chế độ chi phí phí ghi rõ số lượng và loại chi phí mà công nhân, h và tên người n m gi (n u là chi phí ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chi phí chi phí ghi danh chi đi n cho m t lo i c ph n.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chuyển quy n s h u c ph n theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo yêu cầu phát hành quy n) kể từ ngày thanh toán y ti n mua c ph n theo nh quy định tại ph án phát hành chi phí của Công ty, ng i s h u s c ph n s c c p ch ng ch c phi u. Ng i s h u c ph n không ph i tr cho công ty chi phí in chi phí chi phí hoặc bất kỳ khoản chi phí gì.

4. Trừ chi phí chuyển nhượng m t s c ph n ghi danh trong m t ch ng ch c phi u ghi danh, chi phí chi s b hu b và chi phí chi m i ghi nh n s c ph n còn lại s c c p m i n phí.

5. Trừ chi phí chi phí chi phí ghi danh bất kỳ hoặc bất kỳ xóa hoặc bất ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu , ng i s h u c phi u ghi danh ó có th yêu c u c c p ch ng ch c phi u m i v i i u ki n ph i a ra b ng ch ng v vi c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

6. Ng i s h u ch ng ch c phi u vô danh ph i t ch u trách nhi m v vi c b o qu n ch ng ch và công ty s không ch u trách nhi m trong các tr ng h p ch ng ch này b m t c p ho c b s đ ng v i m c ích l a o.

7. Công ty có thể phát hành chi phí ghi danh không theo hình thức chi phí. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chi phí ghi danh (theo hình thức chi phí hoặc không chi phí) chi chuyển nhượng mà không bắt buộc chi phí có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chi phí và chuyển nhượng chi phí theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chi phí khoán và thủ tục chi phí khoán và nội dung này.

Điểm 7. Chế độ chiết khấu khác

Chế độ chiết khấu hoặc các chế độ chiết khấu khác của Công ty (trừ các trường hợp chào bán, các chế độ chiết khấu và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có điều kiện và chi tiết cụ thể đi kèm theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điểm 8. Chuyển nhượng quyền

1. Tất cả các quyền đều có thể chuyển nhượng trừ khi điều kiện này và pháp luật có quy định khác. Các quyền niêm yết trên Sổ Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và trường hợp chứng khoán của Sổ Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Các phần chưa thanh toán sẽ không được chuyển nhượng và hưởng lợi ích.

Điểm 9. Thu hồi cổ phiếu

1. Trường hợp công ty không thanh toán sẽ và ứng hưởng tiền phí trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán sẽ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng yêu cầu, số phần chưa thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trừ khi thanh toán sẽ tất cả các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần bù thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác theo quy định tại điều kiện này.

4. Các phần bù thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể tiếp tục hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc ghi quỹ cho người đã sở hữu các phần bù thu hồi hoặc các điều kiện khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công ty có thể chấp nhận bù thu hồi số phần bị mất bằng cách công ty sẽ nhận các phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tín dụng có liên quan cùng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có

toàn quyền quy định về việc công thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ công bố trong ấn phẩm công bố thu hồi trên thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ ngày phát hành có sai sót hoặc bất cập trong việc công bố thông báo.

V. C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T

i u 10. C c u t c h c q u n l ý

C c u t c h c q u n l ý c a Công ty bao gồm:

- a. i h i n g c ô n g;
- b. H i n g q u n t r ;
- c. T n g g i á m c ;
- d. B a n k i m s o á t.

VI. C Ô N G V À I H I N G C Ô N G

i u 11. Q u y n c a c ô n g

1. Công là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số phần và loại phần mà sở hữu. Công chỉ chịu trách nhiệm vốn và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ phần thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các hội đồng và thực hiện quyền biểu quyết tại họp hoặc thông qua đại diện của quyền;
- b. Nhận cổ tức;
- c. Chuyển nhượng các phần đã thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều này và pháp luật hiện hành;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ phần thông mà sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến công trong danh sách công để cách tham gia hội đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lệ hoặc sao chép tài liệu công ty, biên bản họp hội đồng và các quy tắc của hội đồng;

g. Trường hợp Công ty ghi i th , c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông lo i khác theo quy nh c a pháp lu t;

h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh t i i u 90.1 c a Lu t Doanh nghi p;

i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

3. C ông ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các quy n sau:

a. c các thành viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i các i u 24.3 và 36.2;

b. Yêu c u tri u t p i h i ng c ông;

c. Ki m tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các c ông có quy n tham d và b phi u t i i h i ng c ông.

d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

i u 12. Ngh a v c a c ông

C ông có ngh a v sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;

2. Thanh toán t i n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh;

3. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n;

4. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;

5. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:

a. Vi ph m pháp lu t;

b. T i n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra vì công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ

1. Nghĩa vụ công là quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ công thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị lập. Nghĩa vụ công phải nộp thường niên trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng thường niên và là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nghĩa vụ công thường niên quy định như sau theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, được biết thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kế toán viên của Công ty phải tham gia Hội đồng thường niên cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng thường niên trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Ban Giám đốc Kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phản ánh về Điều lệ Công ty;

c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Công ty hoặc nhóm công ty quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Hội đồng thường niên bằng văn bản khẩn cấp. Văn bản khẩn cấp triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chữ ký của các công ty liên quan (văn bản khẩn cấp có thể lập thành nhiều bản có chữ ký của tất cả các công ty có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cụ thể nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập Hội đồng thường niên

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Hội đồng thường niên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc như yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Hội đồng thường niên theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban

kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị ưu tiên pháp nhân công theo quy định khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không ưu tiên pháp nhân công theo quy định khoản 4b điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công, nhóm công có yêu cầu quy định khoản 3d điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ưu tiên pháp nhân công theo quy định khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công ưu tiên pháp nhân công có thẩm quyền ký kinh doanh giám sát vị trí ưu tiên và tiến hành họp xem xét yêu cầu.

d. Tổng chi phí cho vị trí ưu tiên và tiến hành họp nhân công của công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham gia nhân công, kể chi phí nhân viên.

điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng công

1. Hội đồng công thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng công thường niên và bất thường thông qua quy định như sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mối liên hệ thanh toán hàng năm cho mối liên hệ phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan. Mối liên hệ này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công nhân nhân công;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lịch công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn vị trí Hội đồng quản trị nhiệm vụ Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sa thải nhân viên Công ty; trợ cấp bổ sung ngành nghề và thành lập chi nhánh, văn phòng điều hành.

h. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phiếu, và việc chuyển nhượng cổ phiếu của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng tài sản;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công nợ của Công ty;

l. Quy định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại ít nhất 10% một loại cổ phiếu phát hành;

n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đi vào hành nghề thì làm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc làm Tổng Giám đốc;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với nhà cung cấp quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều này và các quy định khác của Công ty;

3. Công đồng không được tham gia bất kỳ một trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều này khi công đồng hoặc người có liên quan tới công đồng là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phiếu của công đồng hoặc cá nhân có liên quan tới công đồng.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại hội nghị công đồng.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các công đồng có quyền tham dự hội nghị công đồng theo luật pháp có thẩm quyền tham dự hoặc ủy quyền cho người đi nhân của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu hoãn hoặc thay đổi điều kiện theo quy định của thành phố xác nhận thực tế số phiếu bầu của mình tại hội nghị.

2. Việc ủy quyền cho người đi nhân dự hội nghị công đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp công cá nhân là người quy định thì phải có chữ ký của công đó và người quy định;

b. Trường hợp người đi định theo quy định của công là tổ chức là người quy định phải có chữ ký của người đi định theo quy định, người đi định theo pháp luật của công và người quy định;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi định theo pháp luật của công và người quy định.

Người quy định phải ghi công phòng ban quy định trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chỉ định, việc chỉ định trong trường hợp này chỉ coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đó được xuất trình cùng với thư quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư quy định (nếu trước đó đã ký với Công ty).

4. Trường hợp quy định tại khoản 3 điều 15, phụ lục quy định của người quy định trong phạm vi người quy định có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người quy định đã chết, bệnh nhân người hành vi dân sự hoặc bệnh nhân người hành vi dân sự;

b. Người quy định đã huỷ việc chỉ định quy định;

c. Người quy định đã huỷ thẩm quyền của người chỉ định việc quy định.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh trên bản miễn nhiệm giám đốc khai mạc cuộc họp hội đồng công hoặc trước khi cuộc họp kết thúc.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Các quy định của hội đồng công (trong các trường hợp quy định tại điều 14.2 liên quan đến việc phân chia thành các loại phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc huỷ các quy định sẽ bắt đầu có hiệu lực từ ngày công bố thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của thành viên giám đốc ít nhất 75% quy định của pháp nhân đã phát hành lợi ích.

2. Việc tổ chức họp trên có giá trị khi có ít nhất hai công (hoặc người đại diện của họ) và năm giám đốc ít nhất ba giá trị mặt giá của các phần lợi ích đã phát hành. Trường hợp không có sự hiện diện như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và thành viên giám đốc phần thu lợi ích (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện quy định sẽ coi là sự hiện diện của yêu

c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p i h i ng c ô ng, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ô ng

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ô ng, ho c i h i ng c ô ng c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i u 13.4b ho c i u 13.4c.

2. Ng i tri u t p i h i ng c ô ng ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chu n b danh sách các c ô ng i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i trong vòng ba m i ngày tr c ngày b t u ti n hành i h i ng c ô ng; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ô ng cho t t c các c ô ng có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ô ng ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin liên quan v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. i v i các c ô ng ã th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ô ng có th c g i n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán, trên website c a công ty, 01 t báo trung ng ho c 01 t báo a ph ng n i công ty óng tr s chính. i v i các c ô ng ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ô ng có th c g i cho c ô ng b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a c ô ng, ho c t i a ch do c ô ng ó cung c p ph c v vi c g i thông tin. Tr ng h p c ô ng ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax ho c a ch th i n t , thông báo h p i h i ng c ô ng có th c g i t i s fax ho c a ch th i n t ó. Tr ng h p c ô ng là ng i làm vi c trong Công ty, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c. Thông báo h p i h i ng c ô ng ph i c g i tr c ít

nh t m i l m ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Tr ng h p Công ty có website, thông báo h p i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty ng th i v i v i c g i thông báo cho các c ông.

4. C ông ho c nhóm c ông c c p t i i u 11.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t [ba] ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 c a i u 17 trong các tr ng h p sau:

a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 10% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng. [ho c t l khác nh h n theo quy nh t i i u l];

c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

d. [Các tr ng h p khác].

6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham đ ho c thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p v i c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 18. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i , i h i ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i ngày k t ngày đ nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham đ là các c ông và nh ng i di n c u quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Trường hợp i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ô ng l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày d nh t i n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ô ng hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ô ng l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch t a i h i ng c ô ng có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u 17.3 c a i u l này.

i u 19. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ô ng

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ô ng, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ô ng và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ô ng có quy n d h p có m t ng ký h t.

2. Khi t i n hành ng ký c ô ng, Công ty s c p cho t ng c ô ng ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ô ng, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ô ng ó. Khi t i n hành bi u quy t t i i h i, s th ng h ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi t i n hành bi u quy t v n ó. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó. S thành viên c a ban ki m phi u không quá ba ng i.

3. C ô ng n d i h i ng c ô ng mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ô ng n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã t i n hành tr c khi c ô ng n mu n tham d s không b nh h ng.

4. i h i ng c ô ng s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ô ng b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u ra Ch t a c a i h i ng c ô ng, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr. Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ô ng b u ra c m t th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .

5. Quy định của Chốt về trình tự, thứ tự cho các số kê khai phát sinh ngoài chương trình của chi nhánh công sở mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chốt chi nhánh công sở có thể hoãn họp chi nhánh ngay cả trong trường hợp đã có sự biểu quyết nhất trí của thành viên khác và tìm kiếm thêm do chốt quy định mà không cần lý giải của chi nhánh như những trường hợp (a) các thành viên tham dự không thể chấp nhận tiến độ làm việc, (b) hành vi của anh em công nhân có thể làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự hoãn là cần thiết các công việc của chi nhánh cần hành động cách hợp lý. Ngoài ra, Chốt chi nhánh có thể hoãn chi nhánh khi có sự bất trí hoặc yêu cầu của chi nhánh công sở đã có sự đồng ý của ban chấp hành chi nhánh. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày diễn ra khai mạc chi nhánh. Chi nhánh phải xem xét các công việc cần giải quyết theo pháp luật chi nhánh trì hoãn trước.

7. Trường hợp chốt hoãn hoặc tạm ngưng chi nhánh công sở trái với quy định khoản 6 điều 19, chi nhánh công sở bắt buộc phải khác trong số thành viên tham dự thay thế chốt tại buổi họp cho đến lúc kết thúc và hiện lực các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng.

8. Chốt của chi nhánh hoặc Thủ ký chi nhánh có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết tại buổi họp chi nhánh công sở một cách hợp lý và có trật tự; hoặc chi nhánh phải mong muốn của các thành viên.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các công nhân đi nhận sự quy định tham dự chi nhánh công sở chủ yếu kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có công nhân đi nhận sự quy định không chấp hành theo quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể đình chỉ hoặc trục xuất công nhân đi nhận sự quy định nói trên tham gia chi nhánh.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:

- a. Yêu cầu nhân sự có mặt tại buổi họp chi nhánh công sở;
- b. Bảo đảm an toàn cho mình có mặt tại buổi họp;
- c. Tạo điều kiện cho công nhân tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) chi nhánh.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên của Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là áp dụng vào các hoạt động sản xuất những hình thức khác.

11. Trong trường hợp đình chỉ chi nhánh công sở có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định thêm chi nhánh có thể:

a. Thông báo rằng những quyết định hành chính của mình ghi trong thông báo và chốt những quyết định (“ hành chính của mình”);

b. Bất cứ, tất cả những quyết định của quy định không được chấp theo điều khoản này hoặc những quyết định của mình khác với hành chính của mình có thể không tham dự mình;

Thông báo về việc tất cả những quyết định không cần nêu chi tiết những biện pháp chấp theo điều khoản này.

12. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi quyết định được coi là tham gia những hành chính của mình.

Hàng năm Công ty phải chấp những quyết định ít nhất một lần. Những quyết định thường niên không cần chấp định hình thức lý kiến bản văn bản.

điều 20. Thông qua quy định hành chính của công

1. Trước khi chấp quy định của Khoản 2 của điều 20, các quy định hành chính của công và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các quyết định có quy định quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua những điều kiện quy định có mặt những quyết định của công.

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty

c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quy định hành chính của công liên quan đến việc mua và bán sung điều kiện, loại phiếu và số lượng phiếu chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kiểm toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các quyết định có quy định quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua những điều kiện quy định có mặt những quyết định của công.

điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý kiến của công bản văn bản thông qua quy định hành chính của công

Thẩm quyền và thủ tục lý kiến của công bản văn bản thông qua quy định hành chính của công được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý kiến của công bản văn bản thông qua quy định hành chính của công bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ tài liệu, quyết định theo quy định và tài liệu trình phê duyệt theo quy định và tài liệu trình phê duyệt theo quy định và tài liệu trình phê duyệt theo quy định;

3. Phiếu yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;

b. Mục đích yêu cầu;

c. Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công nhân là cá nhân; họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công nhân hoặc đi kèm theo quy định của công nhân là tổ chức; số lượng phần trăm lợi ích và số phiếu biểu quyết của công nhân;

d. Văn bản yêu cầu thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải giải quyết công ty phiếu yêu cầu kiểm tra;

g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi kèm theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu yêu cầu kiểm tra phải có chữ ký của công nhân là cá nhân, công nhân đi kèm theo quy định hoặc người đi kèm theo pháp luật của công nhân là tổ chức.

Phiếu yêu cầu kiểm tra của công ty phải niêm phong bì dán kín và không ai được xem trước khi kiểm tra. Các phiếu yêu cầu kiểm tra của công ty sau thời hạn xác nhận nội dung phiếu yêu cầu kiểm tra hoặc đã bị từ chối không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm tra và lập biên bản kiểm tra để báo cáo Ban kiểm soát hoặc của công nhân không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm tra phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các văn bản yêu cầu thông qua quyết định;

c. Số công nhân biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phôi danh sách công nhân tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến của công nhân;

e. Các quyết định đã thông qua;

f. Họ, tên, chức ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi di n theo pháp luật của công ty và các người giám sát kiểm soát.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm soát phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát; liên hệ chịu trách nhiệm về các thí nghiệm phát sinh từ các quy trình thông qua do kiểm soát không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm soát phải ghi rõ các công việc trong thời gian làm việc, kết quả kiểm soát kiểm soát;

7. Phụ lục ý kiến của chủ tịch, biên bản kiểm soát, toàn văn nghị quyết đã thông qua và tài liệu có liên quan ghi kèm theo phụ lục ý kiến của người đi di n chính của công ty;

8. Quy trình thông qua theo hình thức lý luận công bằng và bản có giá trị quy trình thông qua từ cuộc họp hội đồng.

Điều 22. Biên bản họp hội đồng

Người chủ trì hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp hội đồng và gửi cho tất cả các công việc trong vòng 15 ngày khi hội đồng kết thúc. Biên bản họp hội đồng coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã tiến hành tại hội đồng trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản của các thành viên theo đúng quy định trong vòng làm việc kết thúc khi ghi biên bản. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký, và có chữ ký theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tài liệu này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ sách ký của các công việc và văn bản quy định tham dự phải có chữ ký của người đi di n chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quy trình của hội đồng

Trong thời hạn chín mươi ngày, kết thúc nhận các biên bản họp hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm soát lý luận tại hội đồng, công việc, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quy định của Điều lệ Công đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Điều lệ Công đồng không thể hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

VII. H I NG QU N TR

Đ i u 24. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị tối đa không vượt quá nửa tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các công nhân chiếm ít nhất 05% số thành phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử biểu quyết tại Đại hội đồng của các công nhân Hội đồng quản trị. Công nhân nhóm công nhân chiếm ít nhất 10% số thành phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể cử thành viên; ít nhất 30% có thể cử hai thành viên; ít nhất 50% có thể cử ba thành viên; ít nhất 65% có thể cử bốn thành viên và vượt 65% trở lên có thể cử số thành viên.

3. Trường hợp số lượng các công nhân Hội đồng quản trị thông qua cử và được cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ sung thêm công nhân hoặc thuê theo một cách do Công ty quy định. Cách thức Hội đồng quản trị bổ sung công nhân Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải có Điều lệ Công đồng thông qua trước khi tiến hành cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn là thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên có không đủ cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên có gia đình vắng mặt xin thôi chức vụ chính của Công ty;
- c. Thành viên có bệnh tật tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có năng lực chuyên môn chuyên ngành thì có thể không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho

e. phép thành viên có vốn góp và đã phân quyền cho các thành viên này
bổ sung;

f. Thành viên có bổ cách các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định
của Điều lệ Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay
thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải chấp thuận từ Điều lệ Công
ty ngay tiếp sau đó. Sau khi chấp thuận Công ty, vì bổ nhiệm thành viên mới
đó sẽ coi là có hiệu lực vào ngày của Hội đồng quản trị
bổ nhiệm.

6. Vì bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo theo
các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nội bộ
của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý
hỗ trợ của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có ý
quy định thể hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định
thuộc Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc
và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy định
của Công ty và quy định của Điều lệ Công ty quy định. Các thành viên Hội
đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

- a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên các các mục tiêu chiến lược của
Điều lệ Công ty thông qua;
- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo nghĩa của Giám
đốc hoặc Tổng giám đốc và quy định của pháp luật;
- d. Quy định các chức vụ của Công ty;
- e. Giám sát các khiếu nại của Công ty và các cán bộ quản lý công ty quy định
nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và giám sát các vấn đề liên quan tới các thủ tục
pháp lý của các cán bộ quản lý;
- f. Xử lý các khiếu nại có thể phát hành và tiếp xúc với khiếu nại phát hành
theo quy định;
- g. Xử lý việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và
các chứng quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định;
- h. Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển
đổi;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các
cán bộ quản lý hoặc người điều hành Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng

là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Xuất mua các tài sản hàng năm và xác định các tài sản mới; trách nhiệm chi trả các;

k. Xuất việc tái cấu trúc lại tổ chức Công ty.

4. Nhiệm vụ sau đây phải của Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Bổ sung ngành nghề, Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trong phạm vi quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng quản trị phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về việc thanh lý, sáp nhập và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm công ty và liên doanh);

d. Chọn và bãi nhiệm nhân viên của Công ty ưu tiên là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thanh lý các khoản thanh toán, bồi đắp và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản thuế không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán các phần của nhân viên công ty khác thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thuê tài sản không quá 10% mức lợi nhuận;

j. Các văn kiện kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;

k. Quy định mức giá mua hoặc thuê tài sản của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng quản trị về việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và nhân viên quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các nhân viên đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện ủy quyền thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng

quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận.

8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải ghi chi tiết trong báo cáo tài chính niên độ Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể trừ thêm tiền thù lao để đền bù mất khoản tiền công trừ gộp theo tháng, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc đãi ngộ khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả chi phí lãi, nợ, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quy định hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị Ủy ban Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải phê chuẩn hàng năm tất cả Hội đồng tài chính niên độ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triu tập và chuyển đổi Hội đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quy định và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch ủy quyền những chức vụ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chọn Phó Chủ tịch hành động ngay, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chọn Phó Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm tạm thời khác trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc atas quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm mở báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kế toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty Hội đồng quy định;

4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn một ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp ưu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác thuộc thẩm quyền phải

c tín hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. Các cu c h p th ng k . Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t b y ngày tr c ngày h p đ ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.

3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng đ i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

- a. Giám c ho c T ng giám c i u hành ho c ít nh t n m cán b qu n lý;
- b. Hai thành viên H i ng qu n tr ;
- c. Ch t ch H i ng qu n tr ;
- d. a s thành viên Ban ki m soát.

4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 278 ph i c tín hành trong th i h n m i l m ngày sau khi có xu t h p. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 278 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c tín hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th đ h p.

Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.

8. S thành viên tham đ t i thi u. Các cu c h p c a H i ng qu n tr ch c tín hành và thông qua các quy t nh khi có ít nh t ba ph n t s thành viên H i ng qu n tr có m t tr c ti p ho c qua ng i i đ i n thay th .

9. Bi u quy t.

a. Tr quy nh t i Kho n 9b i u 278, m i thành viên H i ng qu n tr ho c ng i c u quy n tr c ti p có m t v i t cách cá nhân t i cu c h p H i ng qu n tr s có m t phi u bi u quy t;

b. Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t v các h p ng, các giao d ch ho c xu t mà thành viên ó ho c ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n ho c có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty. M t thành viên H i ng s không c tính vào s l ng i bi u t i thi u c n thi t có m t có th t ch c m t cu c h p H i ng qu n tr v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

c. Theo quy nh t i Kho n 9d i u 278, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H i ng qu n tr liên quan n m c l i ích c a thành viên H i ng qu n tr ho c liên quan n quy n bi u quy t m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr ó, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch to cu c h p và phán quy t c a ch to liên quan n t t c các thành viên H i ng qu n tr khác s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l i ích c a thành viên H i ng qu n tr liên quan ch a c công b m t cách thích áng;

d. Thành viên H i ng qu n tr h ng l i t m t h p ng c quy nh t i i u 334.4a và 34.4b c a i u l này s c coi là có l i ích áng k trong h p ng ó.

10. Công khai l i ích. Thành viên H i ng qu n tr tr c ti p ho c gián ti p ch ng l i t m t h p ng ho c giao d ch ã c ký k t ho c ang đ ki n ký k t v i Công ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Ho c thành viên này có th công khai i u ó t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng liên quan.

11. Bi u quy t a s . H i ng qu n tr thông qua các ngh quy t và ra quy t nh b ng cách tuân theo ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, lá phi u c a Ch t ch s là lá phi u quy t nh.

12. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b. N u mu n, ng i ó có th phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

V i c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng tin liên l c thông tin khác (k c v i c s đ ng ph ng tin này di n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo

quy định này là a i m mà nhóm thành viên H i ñng qu n tr ñng nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch t o c u c h p h i n d i n.

Các quy t ñnh c thông qua trong m t c u c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s c ó h i u l c ngay khi k t thúc c u c h p nh ñng p h i c kh ñng nh b ñng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ñng qu n tr tham d c u c h p này.

13.Ngh quy t b ñng v n b n.: Ngh quy t b ñng v n b n p h i có ch ký c a t t c nh ñng thành viên H i ñng qu n tr sau ây:

a. Thành viên có quy n bi u quy t v ñng quy t t i c u c h p H i ñng qu n tr ;

b. S l ñng thành viên có m t không th p h n s l ñng thành viên t i thi u theo quy ñnh t i n hành h p H i ñng qu n tr .

Ngh quy t lo i này có h i u l c và giá tr nh ñng quy t c các thành viên H i ñng qu n tr thông qua t i m t c u c h p c tri u t p và t ch c theo thông l . Ngh quy t có th c thông qua b ñng cách s d ñng nhi u b n sao c a cùng m t v n b n n u m i b n sao ó có ít nh t m t ch ký c a thành viên.

14.Biên b n h p H i ñng qu n tr . Ch t ch H i ñng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ñng qu n tr cho các thành viên và nh ñng biên b n ó s p h i c xem nh nh ñng b ñng ch ñng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các c u c h p ó tr khi có ý k i n p h n i v n i dung biên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i. Biên b n h p H i ñng qu n tr c l p b ñng t i ñng Vi t và p h i có ch ký c a t t c các thành viên H i ñng qu n tr tham d c u c h p.

15.Các t i u ban c a H i ñng qu n tr : H i ñng qu n tr có th thành l p và u quy n hành ñng cho các t i u ban tr c thu c. Thành viên c a t i u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ñng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t ñnh c a H i ñng qu n tr . Trong quá trình th c h i n quy n h n c u thác, các t i u ban p h i tuân th các quy ñnh mà H i ñng qu n tr ñ ra. Các quy ñnh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ñng ñi không p h i là thành viên H i ñng qu n tr vào các t i u ban nêu trên và cho phép ñng i ó c quy n bi u quy t v i t cách thành viên c a t i u ban nh ñng (a) p h i m b o s l ñng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ñng s thành viên c a t i u ban và (b) ñng quy t c a các t i u ban ch có h i u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t t i phiê n h p c a t i u ban là thành viên H i ñng qu n tr .

16.Giá tr pháp lý c a hành ñng: Các hành ñng th c thi quy t ñnh c a H i ñng qu n tr , ho c c a t i u ban tr c thu c H i ñng qu n tr , ho c c a ñng i có t cách thành viên t i u ban H i ñng qu n tr s c coi là có giá tr pháp lý k c trong trong tr ñng h p vi c b u, ch ñnh thành viên c a t i u ban ho c H i ñng qu n tr có th có sai sót.

VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 28. T ch c b máy qu n lý

Công ty s ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m d i s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t Giám c ho c T ng giám c i u hành ho c m t s Phó giám c ho c Phó t ng giám c i u hành và m t K toán tr ng do H i ng qu n tr b nhi m. T ng Giám c và Phó giám c ho c Phó t ng giám c i u hành có th ng th i là thành viên H i ng qu n tr , và c H i ng qu n tr b nhi m ho c bãi mi n b ng m t ngh quy t c thông qua m t cách h p th c.

i u 29. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a Giám c ho c T ng giám c i u hành và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c s d ng s l ng và lo i cán b qu n lý c n thi t ho c phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, ti n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i Giám c ho c T ng giám c i u hành s do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng cán b qu n lý khác s do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c .

i u 30. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a Giám c ho c T ng giám c i u hành

1. B nhi m. H i ng qu n tr s b nhi m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm Giám c ho c T ng giám c i u hành và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan n vi c tuy n d ng. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a Giám c ho c T ng giám c i u hành ph i c báo cáo trong i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

2. Nhi m k . Theo i u 26 c a i u l này, T ng giám c có th không ph i là Ch t ch H i ng qu n tr . Nhi m k c a T ng giám c i u hành là (05) n m tr khi H i ng qu n tr có quy nh khác và có th c tái b nhi m. Vi c b nhi m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. c ho c T ng giám c không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này, t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho công ty mà h t ng lãnh o tr c ây b phá s n.

3. Quy n h n và nhi m v . T ng giám c i u hành có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:

a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ông thông qua;

b. Quy định nội bộ các văn phòng không nên phi công quy định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thanh toán, tài chính và lưu hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Kiểm soát nội bộ và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thì thẩm định áp dụng các hoạt động kinh doanh các cơ sở quản lý từ do Hội đồng quản trị xuất, và từ văn phòng Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, các lợi ích và các ưu đãi khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, đãi ngộ, miễn nhiệm và các ưu đãi khác liên quan nhân viên hợp đồng lao động của;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phê duyệt trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở áp dụng các yếu tố của ngân sách phù hợp kinh doanh kế hoạch tài chính năm mới.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Xuất nhập ngoại tệ pháp định cao hơn và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các báo cáo tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ phải trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy định của Công ty.

i. Thực hiện nội dung các hoạt động khác theo quy định của nội quy này và các quy định của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quy trình giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc hành khi có hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm mới Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bãi nhiệm có quyền phê duyệt nội dung này tại Hội đồng quản trị theo quy định.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và những ưu đãi theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm mới hay nhậm Tr lý Thủ ký Công ty từ một người khác. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

a. Tổng hợp các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và trình báo công đồng theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tổng hợp và trình báo các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội quy công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kết hợp với nhiệm vụ vị trí của thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo quy định mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vị trí mà họ nắm giữ trong công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể nắm giữ nhiều vị trí khác nhau và trong hoàn cảnh nhất định.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có liên quan đến Công ty để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những lợi ích nêu trên chỉ được sử dụng nếu có sự đồng ý của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan nào thì không truy cập vào nội dung này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi những người này có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến Công ty, bất kỳ tác nhân, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến Công ty là thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ nêu trên, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý có một hoặc nhiều tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban nào cho phép thực hiện những

ho c giao d ch, ho c vì nh ng phi u b u c a h c ng c tính khi bi u quy t v m c ích ó, n u:

a. i v i h p ng có giá tr t d i 20% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch c ng nh các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c báo cáo cho H i ng qu n tr ho c ti u ban liên quan. ng th i, H i ng qu n tr ho c ti u ban ó ã cho phép th c hi n h p ng ho c giao d ch ó m t cách trung th c b ng a s phi u tán thành c a nh ng thành viên H i ng không có l i ích liên quan; ho c

b. i v i nh ng h p ng có giá tr l n h n 20% c a t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i ng qu n tr ã c công b cho các c ông không có l i ích liên quan có quy n bi u quy t v v n ó, và nh ng c ông ó ã b phi u tán thành h p ng ho c giao d ch này;

c. H p ng ho c giao d ch ó c m t t ch c t v n c l p cho là công b ng và h p lý xét trên m i ph ng di n liên quan n các c ông c a công ty vào th i i m giao d ch ho c h p ng này c H i ng qu n tr ho c m t ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr hay các c ông cho phép th c hi n, thông qua ho c phê chu n.

Thành viên H i ng qu n tr, T ng giám c, cán b qu n lý hay ng i có liên quan c a h không c phép mua hay bán ho c giao d ch theo b t c hình th c nào khác các c phi u c a công ty ho c công ty con c a công ty vào th i i m h có c nh ng thông tin ch c ch n s gây nh h ng n giá c a nh ng c phi u ó và các c ông khác l i không bi t nh ng thông tin này.

i u 34. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i. Thành viên H i ng qu n tr, T ng giám c và cán b qu n lý vi ph m ngh a v hành ng m t cách trung th c, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. B i th ng: Công tys b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c ti n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Công ty th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Công ty) n ung i ó ã ho c ang là thành viên H i ng qu n tr, cán b qu n lý, nhân viên ho c là i di n c Công ty (hay công ty con c a Công ty) u quy n, ho c ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty (hay công ty con c a Công ty) v i t cách thành viên H i ng qu n tr, cán b qu n lý, nhân viên ho c i di n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác. Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n ti n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v vi c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không

chúng tôi lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó tránh những trách nhiệm bất thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là công nhân của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệt tử quyết định Ban kiểm soát và hoạt động với cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên Hội đồng.

2. Công nhân chiếm ít nhất 10% số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào vị trí các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nhân nhóm công nhân chiếm ít nhất 10% số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% đến 30% của các hai thành viên; từ 30% đến 50% của các ba thành viên; từ 50% đến 65% của các bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công nhân nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bị bãi nhiệm khi không còn chức vụ.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên có bị mất quyền công dân hoặc bị tước quyền công dân chính cho Công ty;

c. Thành viên có bị mất năng lực hành vi và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những ngành chuyên môn chuyên nghiệp người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên vắng mặt và đã phân quyền cho các vị trí này bằng văn bản;

e. Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban ki m soát theo quy t nh c a i h i ng c ông.

i u 36. Ban ki m soát

1. Công ty ph i có Ban ki m soát và Ban ki m soát s có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i i u 123 c a Lu t Doanh nghi p và i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách nhi m sau ây:

a. Xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n liên quan n s rút lui hay bãi nhi m c a công ty ki m toán c l p;

b. Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;

c. Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p ho c t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t;

d. Ki m tra các báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý tr c khi trình H i ng qu n tr ;

e. Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;

f. Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;

g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n; và

h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.

2. Thành viên c a H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao ch p các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr s ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .

3. Sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai ng i.

4. T ng m c thù lao cho các thành viên Ban ki m soát s do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c ng s c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c liên quan n ho t ng kinh doanh c a Công ty.

XI. QUY N I U T R A S S Á C H V À H S C Ô N G T Y

i u 37. Quy n i u t r a s sách và h s

1. Công ho c nhóm c ông c p trong i u 24.2 và i u 35.2 c a i u l này có quy n t r c t i p ho c qua lu t s ho c ng i c u quy n, g i v n b n yêu c u c ki m tra trong gi làm vi c và t i a i m kinh doanh chính c a công ty danh sách c ông, các biên b n c a i h i ng c ông và sao ch p ho c trích l c các h s ó. Yêu c u ki m tra do phía lu t s i đi n ho c i đi n c u quy n khác c a c ông ph i kèm theo gi y u quy n c a c ông mà ng i ó i đi n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n t r , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và cán b qu n lý có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n t r , các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t t i t r s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u t r các gi y t này.

4. Công có quy n c Công ty c p m t b n i u l công ty m i n phí. Tr ng h p công ty có website riêng, i u l này ph i c công b trên website ó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

i u 38. Công nhân viên và công oàn

T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n t r thông qua các v n liên quan n vi c tuy n d ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng b ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

XIII. PHÂN CHIA L I NHU N

i u 39. C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi t r t l i nhu n gi l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n t r xu t sau khi ã tham kh o ý ki n c ông t i i h i ng c ông.

2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n t r có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi t r này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tín dụng hay khoản tín chi trả liên quan tới mặt lợi của phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể ngừng việc công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần của các khoản nợ tài sản của công ty (như phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán ý do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

5. Trường hợp của công ty hay những khoản tín khác liên quan tới mặt lợi của phiếu của chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền của Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh rút tiền qua bưu điện của bất kỳ ngân hàng nào công ty chấp thuận và trường hợp có rủi ro phát sinh (tức là bất kỳ ngân hàng nào) thì công ty có quyền phủ quyết. Ngoài ra, các khoản tín của công ty khác với chi trả bằng tiền mặt liên quan tới mặt lợi của phiếu có thể chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của công ty nhằm cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín Công ty chuyển cho công ty chấp thuận. Việc thanh toán của công ty về các phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể tiến hành thông qua công ty chấp thuận hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Hội đồng, Hội đồng quản trị có thể quy định và thông báo rằng những người sở hữu phần vốn thông thường của công ty có thể thay đổi các quyền phân phối thông thường. Các quyền bổ sung của công ty này có thể là những quyền đã thanh toán ý định mua trên cơ sở giá trị của các phần của công ty để phân phối những lợi ích tài chính.

7. Các Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua quy định quy định ngày của thanh toán hàng hóa kinh doanh của Công ty. Các quy định theo ngày đó, những người ký viết các công nợ của người sở hữu các chứng khoán khác của công ty như nợ, lãi suất, phân chia lợi nhuận, những phiếu, những thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày thanh toán này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm khác khi các quy định đó thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận của công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ TRƯỞNG, NẾM TÀI CHÍNH VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tiền mặt ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài có phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sơ chế p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.

3. Công ty s t i n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 42. Qu d tr b sung v n i u l

Hàng n m, Công ty s ph i trích t l i nhu n sau thu c a mình m t kho n vào qu d tr b sung v n i u l theo quy nh c a pháp lu t. Kho n trích này không c v t quá 5% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 10% v n i u l c a Công ty.

i u 43. N m tài khóa

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m.

i u 44. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s d ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán.

XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B TH THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 45. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh t i i u 47 c a i u l này, và trong th i h n 90 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban Ch ng khoán Nhà n c, S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán và c quan ng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v l i và l c a Công ty trong n m tài chính và b n cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Công ty cho n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n t i n t và thuy t minh báo cáo tài chính. Tr ng h p Công ty là m t công ty m , ngoài báo cáo tài chính n m còn ph i bao g m b n cân i k toán t ng h p v tình hình ho t ng c a Công ty và các công ty con vào cu i m i n m tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bên tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm sẽ có kiểm toán phải công bố trên các công báo và công bố trên nhật báo của địa phương và mặt báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính có kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải công bố trên website đó.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hồ sơ sao chép bản báo cáo tài chính hàng năm sẽ có kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giấy làm việc của Công ty, tài trợ chính của Công ty và phí trích từ tài khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo nội dung quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế liên quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 47. Kiểm toán

1. Thành viên hội đồng thành viên năm của công ty kiểm toán độc lập, hoặc thành viên pháp tử Việt Nam và các Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chấp thuận và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải có Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Mặt bên sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải gửi kèm với bản báo cáo kiểm toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ có phép tham dự mọi cuộc họp hội đồng thành viên và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng thành viên mà các công báo quy định và có phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON D U

i u 48. Con d u

1. H i ng qu n tr s quy t nh thông qua con d u chính th c c a Công ty và con d u c kh c theo quy nh c a lu t pháp.
2. H i ng qu n tr , T ng giám c s đ ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ

i u 49. Ch m d tho t ng

1. Công ty có th b gi i th ho c ch m d tho t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty, k c sau khi ã gia h n;
 - b. Tòa án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - c. Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông.
 - d. Các tr ng h p khác do pháp lu t quy nh.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 50. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông

Tr khi i u l này có quy nh khác, các c ông n m gi m t n a s c phi u ang l hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng qu n tr có quy n n khi u n i t i tòa yêu c u gi i th theo m t hay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên H i ng qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Công ty đ n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H i ng qu n tr ho t ng.
2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh ti n hành b u thành viên H i ng qu n tr .
3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

i u 51. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr s tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Công ty thêm m t th i gian theo ngh c a H i ng qu n tr .
2. Th i h n ho t ng s c gia h n thêm khi có t 65% tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c t i p ho c thông qua i đ i n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

Điểm 52. Thanh lý

1. Trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi cóมติ quy định ghi trong Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị đề cử và một thành viên do Hội đồng quản trị mời một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho các quan chức kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (e) trên đây sẽ phân chia cho các cổ đông. Các cổ đông ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điểm 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khi người có liên quan tới hoạt động của Công ty hay từ quy định của các cổ đông phát sinh từ nội bộ hay từ bất cứ quy định hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, thì:

- a. Cổ đông của Công ty; hoặc
- b. Cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nội bộ hành chính hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ từ vị trí giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, một bên nào đó có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thực hiện quy định hoà giải trong vòng sáu tuần thì bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể khởi kiện ra Tòa tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục tụng án và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 54. Bổ sung và sử dụng

1. Việc bổ sung, sửa đổi điều khoản này phải được hai bên công đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều khoản này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều khoản này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực sẽ áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều khoản này gồm XXI chương 56 điều, được hai bên công đồng Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai khởi lập, thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2009 tại văn phòng công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều khoản này.

2. Điều khoản được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước địa phương
b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố

c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty

3. Điều khoản này là duy nhất và chính thức của Công ty

Các bản sao hoặc trích lục điều khoản Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất là hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 56. Chữ ký của các công đồng sáng lập hoặc các người đi kèm theo pháp luật của Công ty./.